

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 459/2024/TLST-HNGĐ ngày 19/7/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1983.

CCCD số: 03818304xxxx; cấp ngày: 28/6/2021.

Địa chỉ: Tổ x, phường Hoa L, thành phố P, tỉnh Gia Lai

- Anh Lê Phước H, sinh năm: 1982

CCCD số: 05408200xxxx; cấp ngày: 15/11/2022.

Địa chỉ: Tổ y, phường Hoa L, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 01/8/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Phước H và chị Trịnh Thị T thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 02 người con chung là cháu Lê Khả V, sinh ngày 27/02/2017 (Nguyện vọng sống với cha) và cháu Lê Bảo H1, sinh ngày 01/01/2020;

Hai bên thống nhất thỏa thuận giao cháu Lê Khả V và cháu Lê Bảo H1 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh H không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng), anh H, chị T tự nguyện chịu toàn bộ để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Anh Lê Phước H và chị Trịnh Thị T thống nhất thoả thuận thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị T và anh H có 02 người con chung là cháu Lê Khả V, sinh ngày 27/02/2017 (Nguyễn vọng sống với cha) và cháu Lê Bảo H1, sinh ngày 01/01/2020;

Hai bên thống nhất thoả thuận giao cháu Lê Khả V và cháu Lê Bảo H1 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh H không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tiền lệ phí:** Tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), anh H, chị T tự nguyện chịu toàn bộ để sung vào Ngân sách Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ đã nộp theo biên lai số 0001979 ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Anh H, chị T đã nộp đủ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- UBND phường Hoa L, thành phố P, tỉnh Gia Lai (GCNKH số 120, ngày 29/11/2016);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Tiến

